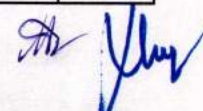


Phụ lục 5: DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
ĐẠI HỌC KHÓA 11 (2015 - 2019) ĐỢT 1 THÁNG 6 NĂM 2019 - ĐÀO TẠO TẠI HÀ NỘI
Ngành: Quản trị nhân lực

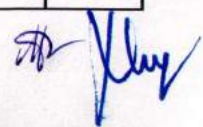
(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ - ĐHLĐXH, ngày...20...tháng 6 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	1111010001	Bùi Huệ Anh	Nữ	D11QL1	07/12/1997	Hải Phòng	2.65	Khá	
2	1111010004	Phạm Phương Anh	Nữ	D11QL1	15/08/1997	Hà Nội	2.57	Khá	
3	1111010005	Phan Châu Anh	Nam	D11QL1	13/09/1997	Hà Nội	2.69	Khá	
4	1111010012	Hoàng Thị Chinh	Nữ	D11QL1	09/10/1997	Thái Bình	2.3	Trung bình	
5	1111010015	Đào Thùy Dung	Nữ	D11QL1	15/07/1996	Lạng Sơn	2.89	Khá	
6	1111010016	Trần Thị Quỳnh Dung	Nữ	D11QL1	20/10/1997	Hà Tĩnh	2.96	Khá	
7	1111010019	Hà Đăng Dương	Nam	D11QL1	30/07/1997	Bắc Giang	3.03	Khá	
8	1111010014	Vũ Thị Đào	Nữ	D11QL1	02/01/1997	Điện Biên	2.49	Trung bình	
9	1111010026	Ngô Xuân Hòa	Nam	D11QL1	19/03/1997	Ninh Bình	2.86	Khá	
10	1111010028	Vũ Thị Hoài	Nữ	D11QL1	12/10/1997	Hải Dương	2.84	Khá	
11	1111010033	Trần Thị Ngọc Huyền	Nữ	D11QL1	12/05/1997	Hà Nội	2.89	Khá	
12	1111010035	Đinh Thị Lan	Nữ	D11QL1	07/11/1997	Nam Định	2.87	Khá	
13	1111010041	Trần Phương Linh	Nữ	D11QL1	19/09/1997	Hà Nội	3.61	Xuất sắc	
14	1111010042	Dương Hoàng Lộc	Nữ	D11QL1	28/05/1997	Phú Thọ	2.97	Khá	
15	1111010044	Dương Thị Hương Ly	Nữ	D11QL1	11/09/1997	Hà Nội	3.04	Khá	
16	1111010045	Lê Trang Ly	Nữ	D11QL1	27/03/1997	Hà Nội	3.25	Giỏi	
17	1111010047	Bùi Quang Minh	Nam	D11QL1	27/09/1995	Nam Định	2.72	Khá	
18	1111010049	Lê Thị Ngân	Nữ	D11QL1	05/07/1997	Thanh Hóa	2.41	Trung bình	
19	1111010052	Vũ Bích Ngọc	Nữ	D11QL1	20/04/1997	Hà Nội	2.45	Trung bình	
20	1111010082	Đinh Thị Ninh	Nữ	D11QL1	13/03/1996	Ninh Bình	2.44	Trung bình	

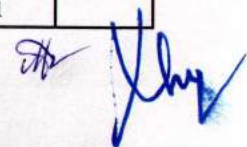
STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
21	1111010055	Nguyễn Thị Phương	Nữ	D11QL1	20/01/1997	Hải Phòng	3.08	Khá	
22	1111010056	Nguyễn Thị Hà Phương	Nữ	D11QL1	12/09/1997	Hưng Yên	2.61	Khá	
23	1111010057	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	Nữ	D11QL1	16/02/1997	Nghệ An	2.65	Khá	
24	1111010058	Vũ Như Quỳnh	Nữ	D11QL1	27/06/1997	Thái Nguyên	2.61	Khá	
25	1111010059	Hoàng Thái Sơn	Nam	D11QL1	02/09/1997	Lạng Sơn	2.61	Khá	
26	1111010069	Đỗ Thị Thu Thủy	Nữ	D11QL1	16/02/1997	Hà Nam	3.09	Khá	
27	1111010072	Dương Huyền Trang	Nữ	D11QL1	23/03/1997	Hà Nội	2.89	Khá	
28	1111010071	Đoàn Thu Trang	Nữ	D11QL1	02/12/1997	Hưng Yên	2.76	Khá	
29	1111010076	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	D11QL1	20/09/1997	Thái Bình	2.93	Khá	
30	1111010085	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	D11QL2	31/12/1997	Hà Nội	2.82	Khá	
31	1111010089	Hoàng Thị Ánh	Nữ	D11QL2	10/05/1997	Nam Định	2.77	Khá	
32	1111010090	Lương Thị Hồng Ánh	Nữ	D11QL2	01/04/1997	Vĩnh Phúc	2.7	Khá	
33	1111010091	Vũ Phương Hồng Diệp	Nữ	D11QL2	18/12/1997	Hà Nội	2.78	Khá	
34	1111010093	Hà Thuỳ Dương	Nữ	D11QL2	29/11/1997	Hà Nội	2.94	Khá	
35	1111010094	Nguyễn Tùng Dương	Nam	D11QL2	09/10/1997	Hà Nội	2.73	Khá	
36	1111010095	Phạm Ánh Dương	Nữ	D11QL2	07/02/1997	Hưng Yên	2.89	Khá	
37	1111010098	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	D11QL2	18/01/1997	Hà Nam	2.86	Khá	
38	1111010100	Trần Thị Thu Hà	Nữ	D11QL2	25/10/1997	Quảng Ninh	3.69	Xuất sắc	
39	1111010103	Đặng Minh Hằng	Nữ	D11QL2	06/05/1997	Hà Nội	2.91	Khá	
40	1111010104	Hoàng Thị Hiền	Nữ	D11QL2	12/04/1996	Hà Nội	2.8	Khá	
41	1111010106	Lê Xuân Hiếu	Nam	D11QL2	05/11/1997	Hưng Yên	2.96	Khá	
42	1111010109	Đỗ Thị Hồng	Nữ	D11QL2	02/08/1997	Thanh Hóa	2.73	Khá	
43	1111010121	Nguyễn Thị Lương	Nữ	D11QL2	30/12/1997	Bắc Ninh	2.92	Khá	
44	1111010122	Trần Thị Khánh Ly	Nữ	D11QL2	03/01/1997	Hà Nội	3.01	Khá	
45	1111010123	Phan Thị Lý	Nữ	D11QL2	28/11/1997	Phú Thọ	3.24	Giỏi	
46	1111010126	Lê Trung Nam	Nam	D11QL2	02/09/1997	Hà Nội	2.65	Khá	
47	1111010130	Vũ Thị Ngát	Nữ	D11QL2	04/10/1997	Hải Dương	3.11	Khá	
48	1111010129	Lê Thị Hồng Ngân	Nữ	D11QL2	22/07/1997	Hưng Yên	3.18	Khá	



STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
49	1111010138	Đàm Thu Quyên	Nữ	D11QL2	07/10/1997	Nam Định	3.07	Khá	
50	1111010139	Hoàng Thị Quyên	Nữ	D11QL2	11/03/1997	Hải Dương	3.26	Giỏi	
51	1111010140	Mai Thị Như Quỳnh	Nữ	D11QL2	12/12/1997	Hải Phòng	3.14	Khá	
52	1111010141	Đinh Hồng Sơn	Nam	D11QL2	18/02/1997	Hà Nam	2.34	Trung bình	
53	1111010142	Phạm Xuân Sơn	Nam	D11QL2	20/01/1997	Hải Phòng	2.43	Trung bình	
54	1111010145	Hoàng Phương Thảo	Nữ	D11QL2	11/12/1997	Thái Bình	3.3	Giỏi	
55	1111010146	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	D11QL2	03/01/1997	Phú Thọ	3.04	Khá	
56	1111010144	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Nữ	D11QL2	20/01/1997	Hà Tĩnh	2.81	Khá	
57	1111010148	Bùi Thị Minh Tiến	Nữ	D11QL2	12/09/1997	Hưng Yên	2.71	Khá	
58	1111010153	Võ Thị Vân Trang	Nữ	D11QL2	02/01/1997	Bắc Ninh	3	Khá	
59	1111010166	Trịnh Hải Vân Anh	Nữ	D11QL3	13/12/1997	Hà Nội	3.08	Khá	
60	1111010168	Ngô Ngọc Ánh	Nữ	D11QL3	27/10/1997	Hà Nội	2.67	Khá	
61	1111010173	Vũ Thị Chi	Nữ	D11QL3	16/03/1997	Thái Bình	2.78	Khá	
62	1111010176	Lê Quỳnh Dung	Nữ	D11QL3	29/09/1997	Phú Thọ	2.91	Khá	
63	1111010177	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	D11QL3	06/06/1997	Thanh Hóa	2.9	Khá	
64	1111010178	Vương Hương Giang	Nữ	D11QL3	21/12/1996	Hà Nội	2.91	Khá	
65	1111010182	Mai Thu Hằng	Nữ	D11QL3	04/08/1997	Bắc Giang	2.58	Khá	
66	1111010188	Phan Thị Thu Hiền	Nữ	D11QL3	19/07/1997	Ninh Bình	2.59	Khá	
67	1111010191	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	D11QL3	04/11/1997	Bắc Giang	2.39	Trung bình	
68	1111010196	Phùng Thị Thu Huyền	Nữ	D11QL3	27/04/1997	Hải Dương	2.68	Khá	
69	1111010192	Hoàng Thu Hương	Nữ	D11QL3	16/11/1997	Cao Bằng	2.41	Trung bình	
70	1111010193	Nguyễn Thị Hương	Nữ	D11QL3	25/10/1996	Bắc Ninh	3.01	Khá	
71	1111010194	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	D11QL3	04/03/1997	Hà Nam	2.66	Khá	
72	1111010200	Trần Thị Thuý Linh	Nữ	D11QL3	29/11/1997	Nam Định	3.09	Khá	
73	1111010208	Hà Hồng Nga	Nữ	D11QL3	24/09/1997	Quảng Ninh	2.96	Khá	
74	1111010215	Nguyễn Thị Phương	Nữ	D11QL3	05/07/1997	Ninh Bình	3.06	Khá	
75	1111010217	Trần Thị Thu Phương	Nữ	D11QL3	01/09/1997	Quảng Ninh	2.8	Khá	
76	1111010220	Giáp Thị Phương	Nữ	D11QL3	10/08/1997	Bắc Giang	2.84	Khá	



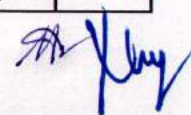
STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
77	1111010227	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	D11QL3	04/09/1996	Bắc Ninh	2.68	Khá	
78	1111010229	Vũ Thị Lệ Thủy	Nữ	D11QL3	09/08/1997	Ninh Bình	2.76	Khá	
79	1111010228	Vũ Thị Huyền Thương	Nữ	D11QL3	20/05/1997	Quảng Ninh	2.86	Khá	
80	1111010231	Nguyễn Thị Toàn	Nữ	D11QL3	20/03/1997	Bắc Ninh	3.15	Khá	
81	1111010237	Trần Thị Vân	Nữ	D11QL3	18/06/1997	Nam Định	3.04	Khá	
82	1111010239	Đào Mai Anh	Nữ	D11QL4	19/04/1997	Hà Nội	2.79	Khá	
83	1111010247	Trần Phương Chi	Nữ	D11QL4	31/07/1997	Hà Nội	2.74	Khá	
84	1111010249	Nguyễn Phương Dung	Nữ	D11QL4	08/12/1997	Phú Thọ	2.8	Khá	
85	1111010251	Đỗ Thị Bích Giang	Nữ	D11QL4	21/11/1996	Hà Nội	2.77	Khá	
86	1111010260	Lê Thị Hạnh	Nữ	D11QL4	11/12/1997	Hưng Yên	2.94	Khá	
87	1111010256	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	D11QL4	16/01/1997	Hà Tĩnh	3.11	Khá	
88	1111010270	Lê Thị Huyền	Nữ	D11QL4	12/09/1997	Thanh Hóa	2.9	Khá	
89	1111010274	Đỗ Thị Lan	Nữ	D11QL4	09/10/1997	Sơn La	2.74	Khá	
90	1111010275	Trương Thị Ngọc Lan	Nữ	D11QL4	03/06/1997	Thanh Hóa	2.59	Khá	
91	1111010278	Ngô Thị Thùy Linh	Nữ	D11QL4	15/12/1997	Hưng Yên	2.51	Khá	
92	1111010280	Phạm Diệu Linh	Nữ	D11QL4	29/04/1997	Hà Nội	3.51	Giỏi	
93	1111010281	Phạm Thị Hương Lựu	Nữ	D11QL4	30/07/1997	Thanh Hoá	2.7	Khá	
94	1111010283	Trần Đỗ Hoàng Minh	Nữ	D11QL4	21/10/1997	Thanh Hóa	2.39	Trung bình	
95	1111010284	Nguyễn Thu Ngân	Nữ	D11QL4	18/10/1997	Hà Nội	2.74	Khá	
96	1111010285	Phạm Bảo Ngân	Nữ	D11QL4	04/04/1997	Bắc Giang	2.69	Khá	
97	1111010289	Phạm Thị Phương Nhung	Nữ	D11QL4	21/11/1997	Hà Nội	3.47	Giỏi	
98	1111010290	Dương Thị Oanh	Nữ	D11QL4	12/12/1997	Hà Nội	3.03	Khá	
99	1111010291	Nguyễn Thị Tú Oanh	Nữ	D11QL4	17/07/1997	Nghệ An	2.77	Khá	
100	1111010292	Đào Thanh Phương	Nữ	D11QL4	18/01/1997	Thái Bình	2.83	Khá	
101	1111010294	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	D11QL4	30/11/1995	Hà Nam	3.48	Giỏi	
102	1111010295	Nguyễn Phương Quỳnh	Nữ	D11QL4	08/08/1997	Nam Định	2.85	Khá	
103	1111010299	Đặng Thị Phương Thảo	Nữ	D11QL4	06/09/1997	Hà Nội	2.86	Khá	
104	1111010304	Hoàng Ngọc Minh Thương	Nữ	D11QL4	28/05/1997	Lào Cai	3.38	Giỏi	



STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
105	1111010306	Đỗ Thu Trang	Nữ	D11QL4	05/09/1997	Phú Thọ	2.83	Khá	
106	1111010308	Nguyễn Thị Trang	Nữ	D11QL4	28/03/1997	Hưng Yên	3.54	Giỏi	
107	1111010307	Nguyễn Thị Trang	Nữ	D11QL4	14/04/1997	Hà Nội	3.24	Giỏi	
108	1111010309	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	D11QL4	20/07/1997	Thanh Hóa	2.58	Khá	
109	1111010311	Nguyễn Thùy Trang	Nữ	D11QL4	05/01/1997	Nam Định	2.67	Khá	
110	1111010317	Đỗ Thị Thuý Anh	Nữ	D11QL5	28/03/1997	Hà Nội	3	Khá	
111	1111010318	Lê Thị Phương Anh	Nữ	D11QL5	12/07/1997	Thanh Hóa	2.89	Khá	
112	1111010319	Lê Thúy Lan Anh	Nữ	D11QL5	14/02/1997	Ninh Bình	2.51	Khá	
113	1111010323	Kim Thanh Chi	Nữ	D11QL5	29/12/1996	Hà Nội	2.78	Khá	
114	1111010329	Nguyễn Thị Hồng Duyên	Nữ	D11QL5	22/06/1997	Nam Định	2.95	Khá	
115	1111010328	Đỗ Thùy Dương	Nữ	D11QL5	21/11/1997	Hà Nội	2.77	Khá	
116	1111010350	Nguyễn Thanh Lệ	Nữ	D11QL5	19/09/1997	Hà Nội	2.93	Khá	
117	1111010356	Vương Thùy Linh	Nữ	D11QL5	05/09/1997	Hà Giang	3.07	Khá	
118	1111010359	Phạm Thị Ngọc Mai	Nữ	D11QL5	21/05/1997	Hải Phòng	2.89	Khá	
119	1111010361	Nguyễn Nhật Minh	Nam	D11QL5	03/09/1997	Hà Nội	2.39	Trung bình	
120	1111010374	Nguyễn Bích Thảo	Nữ	D11QL5	02/03/1997	Vĩnh Phúc	2.78	Khá	
121	1111010379	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	D11QL5	16/07/1997	Bắc Giang	3.23	Giỏi	
122	1111010397	Lê Hải Anh	Nữ	D11QL6	21/10/1997	Hà Nội	2.7	Khá	
123	1111010398	Lê Thị Mai Anh	Nữ	D11QL6	18/10/1997	Hải Phòng	2.87	Khá	
124	1111010399	Ngô Thị Hoàng Anh	Nữ	D11QL6	21/11/1997	Bắc Ninh	3.33	Giỏi	
125	1111010400	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	D11QL6	14/06/1997	Bắc Ninh	2.78	Khá	
126	1111010401	Nguyễn Trung Anh	Nam	D11QL6	10/06/1997	Thái Bình	2.81	Khá	
127	1111010404	Hoàng Ngọc Ánh	Nữ	D11QL6	28/03/1997	Hà Nam	2.48	Trung bình	
128	1111010405	Vũ Thị Bích	Nữ	D11QL6	02/07/1997	Vĩnh Phúc	3.02	Khá	
129	1111010411	Lương Thùy Dương	Nữ	D11QL6	18/04/1997	Hưng Yên	2.81	Khá	
130	1111010409	Phạm Anh Đức	Nam	D11QL6	02/04/1997	Thái Bình	2.58	Khá	
131	1111010416	Lê Văn Hà	Nữ	D11QL6	06/12/1997	Hà Nội	3.05	Khá	
132	1111010420	Trịnh Thu Hạnh	Nữ	D11QL6	01/12/1997	Ninh Bình	2.65	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
133	1111010418	Dương Thị Hằng	Nữ	D11QL6	07/03/1997	Hung Yên	2.71	Khá	
134	1111010419	Nguyễn Thanh Hằng	Nữ	D11QL6	06/06/1997	Nam Định	2.7	Khá	
135	1111010421	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	D11QL6	19/09/1997	Hà Nội	3.1	Khá	
136	1111010427	Phùng Thị Mai Hương	Nữ	D11QL6	15/08/1997	Phú Thọ	3.26	Giỏi	
137	1111010436	Trương Thùy Linh	Nữ	D11QL6	12/02/1997	Nam Định	2.82	Khá	
138	1111010441	Ngô Quang Lý	Nam	D11QL6	26/07/1995	Quảng Ninh	2.98	Khá	
139	1111010446	Nguyễn Ngọc Nam	Nam	D11QL6	28/12/1997	Thái Nguyên	3.02	Khá	
140	1111010449	Bùi Bích Ngọc	Nữ	D11QL6	04/02/1997	Ninh Bình	2.75	Khá	
141	1111010450	Đặng Bích Ngọc	Nữ	D11QL6	17/01/1996	Hung Yên	3.25	Giỏi	
142	1111010452	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	D11QL6	15/09/1997	Bắc Ninh	2.87	Khá	
143	1111010453	Trần Thị Hồng Ngọc	Nữ	D11QL6	11/02/1997	Phú Thọ	3.35	Giỏi	
144	1111010454	Nguyễn Minh Nhật	Nữ	D11QL6	16/10/1997	Bắc Ninh	3.01	Khá	
145	1111010458	Hoàng Thị Minh Tâm	Nữ	D11QL6	01/07/1997	Hung Yên	2.68	Khá	
146	1111010459	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Nữ	D11QL6	13/03/1997	Thái Bình	3.12	Khá	
147	1111010460	Vũ Thanh Tâm	Nữ	D11QL6	26/10/1997	Hà Nội	3.1	Khá	
148	1111010462	Nguyễn Thị Bích Thảo	Nữ	D11QL6	26/10/1997	Hà Nội	3	Khá	
149	1111010463	Phạm Thị Phương Thảo	Nữ	D11QL6	15/04/1997	Quảng Ninh	2.85	Khá	
150	1111010461	Hoàng Thị Thắm	Nữ	D11QL6	16/09/1996	Vĩnh Phúc	2.7	Khá	
151	1111010467	Thạch Khánh Tiến	Nam	D11QL6	03/06/1996	Hải Dương	2.8	Khá	
152	1111010468	Nguyễn Thùy Trang	Nữ	D11QL6	02/09/1997	Vĩnh Phúc	3	Khá	
153	1111010470	Lê Thị Thành Vinh	Nữ	D11QL6	30/04/1997	Nghệ An	3.07	Khá	
154	1111010471	Thái Nguyễn Thảo Yên	Nữ	D11QL6	01/10/1997	Nghệ An	2.8	Khá	
155	1111010477	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	D11QL7	06/09/1997	Nam Định	3	Khá	
156	1111010478	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Nữ	D11QL7	22/05/1996	Hung Yên	3.38	Giỏi	
157	1111010479	Nhâm Ngọc Anh	Nữ	D11QL7	25/08/1997	Thái Bình	2.85	Khá	
158	1111010492	Vũ Thị Hà Giang	Nữ	D11QL7	10/10/1997	Hung Yên	2.81	Khá	
159	1111010493	Đào Hồng Hà	Nữ	D11QL7	15/08/1997	Hà Nội	2.75	Khá	
160	1111010494	Giáp Thị Ngọc Hà	Nữ	D11QL7	18/02/1997	Bắc Giang	2.74	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
161	1111010499	Hoàng Thị Minh Hằng	Nữ	D11QL7	07/05/1997	Thanh Hóa	2.86	Khá	
162	1111010502	Hà Minh Hiếu	Nam	D11QL7	17/07/1997	Sơn La	3.15	Khá	
163	1111010503	Trần Thị Thanh Hoài	Nữ	D11QL7	02/11/1997	Thái Bình	3.28	Giỏi	
164	1111010507	Kiều Thanh Huyền	Nữ	D11QL7	14/05/1997	Hà Nội	2.75	Khá	
165	1111010512	Lương Thùy Linh	Nữ	D11QL7	18/04/1997	Hà Nội	3.22	Giỏi	
166	1111010513	Ngô Hải Linh	Nữ	D11QL7	19/09/1997	Hải Dương	3.23	Giỏi	
167	1111010514	Nguyễn Mạnh Linh	Nam	D11QL7	10/09/1997	Thanh Hóa	2.83	Khá	
168	1111010516	Thang Mỹ Linh	Nữ	D11QL7	14/05/1997	Hà Nội	3.28	Giỏi	
169	1111010518	Vũ Thị Mỹ Linh	Nữ	D11QL7	16/08/1997	Thái Bình	2.61	Khá	
170	1111010524	Bùi Minh Ngọc	Nữ	D11QL7	28/04/1997	Bắc Ninh	3.04	Khá	
171	1111010528	Lê Kim Phượng	Nữ	D11QL7	07/05/1996	Vĩnh Phúc	3.04	Khá	
172	1111010530	Nguyễn Như Quỳnh	Nữ	D11QL7	16/06/1997	Thanh Hoá	2.74	Khá	
173	1111010531	Phan Thị Quỳnh	Nữ	D11QL7	03/11/1997	Thái Bình	2.82	Khá	
174	1111010532	Đỗ Thị Bích Sang	Nữ	D11QL7	20/07/1997	Hà Nội	2.69	Khá	
175	1111010535	Lê Đức Thắng	Nam	D11QL7	11/11/1997	Hà Nội	2.64	Khá	
176	1111010537	Đặng Thị Thêm	Nữ	D11QL7	28/08/1997	Thái Bình	2.88	Khá	
177	1111010538	Phạm Thị Thơ	Nữ	D11QL7	04/06/1997	Thái Bình	3.28	Giỏi	
178	1111010539	Lại Thị Thu	Nữ	D11QL7	09/05/1997	Thanh Hóa	2.99	Khá	
179	1111010541	Hà Thị Thu Thuý	Nữ	D11QL7	23/11/1996	Hà Nội	3.13	Khá	
180	1111010546	Nguyễn Thu Trang	Nữ	D11QL7	27/09/1997	Hung Yên	2.93	Khá	
181	1111010550	Võ Thị Cẩm Tú	Nữ	D11QL7	23/08/1997	Nghệ An	2.77	Khá	
182	1111010551	Nguyễn Thị Tú An	Nữ	D11QL8	13/10/1997	Thanh Hóa	2.67	Khá	
183	1111010552	Hoàng Phương Anh	Nữ	D11QL8	15/11/1997	Hà Nội	2.56	Khá	
184	1111010554	Nguyễn Phương Anh	Nữ	D11QL8	10/09/1997	Hà Nội	2.73	Khá	
185	1111010555	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	D11QL8	26/09/1996	Hà Nội	2.84	Khá	
186	1111010557	Phùng Thị Ngọc Ánh	Nữ	D11QL8	22/10/1997	Hà Nội	2.76	Khá	
187	1111010562	Nguyễn Thùy Dương	Nữ	D11QL8	19/01/1997	Bắc Ninh	3.06	Khá	
188	1111010560	Ngô Bá Đông	Nam	D11QL8	01/10/1997	Hà Nội	2.74	Khá	



STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
189	1111010573	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	D11QL8	07/09/1997	Bắc Giang	2.84	Khá	
190	1111010576	Nguyễn Hữu Hoàng	Nam	D11QL8	01/09/1997	Thái Bình	2.63	Khá	
191	1111010581	Trần Minh Huyền	Nữ	D11QL8	13/06/1997	Hà Nội	2.78	Khá	
192	1111010578	Đỗ Diệu Hương	Nữ	D11QL8	05/02/1997	Phú Thọ	3.21	Giỏi	
193	1111010579	Lưu Thị Hường	Nữ	D11QL8	21/07/1997	Thanh Hóa	2.93	Khá	
194	1111010583	Hà Thị Kim Lan	Nữ	D11QL8	23/01/1997	Hà Nội	2.88	Khá	
195	1111010591	Trịnh Hương Ly	Nữ	D11QL8	21/01/1997	Hải Dương	2.81	Khá	
196	1111010592	Bùi Ngọc Mai	Nữ	D11QL8	17/08/1996	Hải Dương	3.07	Khá	
197	1111010595	Khuông Thanh Mai	Nữ	D11QL8	28/10/1997	Hà Nội	3.19	Khá	
198	1111010597	Ngụy Thị Minh	Nữ	D11QL8	03/01/1997	Bắc Giang	2.97	Khá	
199	1111010599	Phan Thị Mỹ	Nữ	D11QL8	05/12/1996	Thanh Hóa	2.97	Khá	
200	1111010602	Phạm Thị Ngọc	Nữ	D11QL8	01/04/1997	Nghệ An	3.16	Khá	
201	1111010607	Dương Minh Phương	Nữ	D11QL8	14/03/1997	Hải Dương	2.79	Khá	
202	1111010608	Phạm Bích Phương	Nữ	D11QL8	17/07/1997	Quảng Ninh	2.76	Khá	
203	1111010609	Nguyễn Đức Quý	Nam	D11QL8	26/09/1997	Bắc Ninh	3.17	Khá	
204	1111010610	Nguyễn Thúy Quyên	Nữ	D11QL8	03/03/1997	Vĩnh Phúc	2.83	Khá	
205	1111010616	Phùng Quang Thái	Nam	D11QL8	19/11/1997	Vĩnh Phúc	2.84	Khá	
206	1111010621	Hoàng Thị Thom	Nữ	D11QL8	24/10/1997	Ninh Bình	2.46	Trung bình	
207	1111010623	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	D11QL8	28/12/1995	Bắc Giang	2.51	Khá	
208	1111010629	Dương Ngọc Anh	Nữ	D11QL9	27/01/1997	Hà Nội	2.84	Khá	
209	1111010628	Đặng Tú Anh	Nữ	D11QL9	12/10/1997	Thái Bình	2.7	Khá	
210	1111010630	Nguyễn Đăng Hồng Anh	Nữ	D11QL9	12/02/1997	Hà Nội	3.05	Khá	
211	1111010633	Nguyễn Thị Phương Anh	Nữ	D11QL9	11/03/1997	Hải Dương	2.75	Khá	
212	1111010634	Trần Xuân Anh	Nữ	D11QL9	26/05/1997	Nam Định	3.33	Giỏi	
213	1111010637	Nguyễn Ngọc Ánh	Nữ	D11QL9	29/03/1997	Ninh Bình	3.3	Giỏi	
214	1111010642	Nguyễn Thành Công	Nam	D11QL9	07/11/1997	Hà Nội	2.75	Khá	
215	1111010643	Đỗ Thùy Dung	Nữ	D11QL9	27/05/1997	Quảng Ninh	3.01	Khá	
216	1111010647	Khuất Thị Thu Hằng	Nữ	D11QL9	16/06/1997	Hà Nội	2.71	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
217	1111010648	Nguyễn Thị Diễm Hằng	Nữ	D11QL9	05/01/1997	Hải Dương	3.09	Khá	
218	1111010706	Đinh Thị Thanh Hòa	Nữ	D11QL9	05/09/1996	Ninh Bình	2.81	Khá	
219	1111010650	Nguyễn Việt Hoàng	Nam	D11QL9	25/12/1997	Hà Nội	2.73	Khá	
220	1111010651	Mai Thị Huệ	Nữ	D11QL9	16/10/1997	Nghệ An	3.09	Khá	
221	1111010662	Nguyễn Thị Hồng Linh	Nữ	D11QL9	06/10/1997	Hà Nội	2.76	Khá	
222	1111010667	Trần Khánh Linh	Nữ	D11QL9	07/11/1997	Hà Nội	2.89	Khá	
223	1111010672	Nguyễn Thị Khánh Ly	Nữ	D11QL9	03/04/1997	Hà Nam	2.76	Khá	
224	1111010676	Nguyễn Hồng Ngọc	Nữ	D11QL9	09/07/1997	Hà Nội	2.78	Khá	
225	1111010677	Nguyễn Thị Phương	Nữ	D11QL9	21/08/1997	Thanh Hóa	2.74	Khá	
226	1111010678	Lê Thị Phụng	Nữ	D11QL9	15/12/1997	Thanh Hóa	2.92	Khá	
227	1111010679	Trần Thị Phụng	Nữ	D11QL9	19/11/1996	Hà Nội	2.74	Khá	
228	1111010683	Phạm Thúy Quỳnh	Nữ	D11QL9	28/10/1997	Hà Nội	3.19	Khá	
229	1111010684	Phạm Minh Thái	Nam	D11QL9	03/11/1997	Lào Cai	3.02	Khá	
230	1111010685	Ngô Thị Thắm	Nữ	D11QL9	14/04/1997	Vĩnh Phúc	3.07	Khá	
231	1111010688	Chu Thị Bích Thu	Nữ	D11QL9	22/09/1997	Bắc Ninh	2.99	Khá	
232	1111010691	Đào Phương Trà	Nữ	D11QL9	30/08/1997	Quảng Ninh	2.71	Khá	
233	1111010696	Phạm Ngọc Trang	Nữ	D11QL9	05/10/1997	Hà Nội	3.23	Giỏi	
234	1111010697	Phạm Quỳnh Trang	Nữ	D11QL9	01/01/1997	Thái Bình	2.66	Khá	
235	1111010698	Trần Thị Hà Trang	Nữ	D11QL9	15/06/1996	Thanh Hoá	3.27	Giỏi	
236	1111010701	Nguyễn Việt Trinh	Nữ	D11QL9	18/09/1997	Hà Nội	3.06	Khá	
237	1111010702	Đỗ Quang Trung	Nam	D11QL9	18/06/1997	Quảng Ninh	2.82	Khá	
238	1111010703	Hoàng Thị Xuân	Nữ	D11QL9	02/01/1997	Hà Nội	2.88	Khá	
239	1111010873	Nguyễn Lê Anh	Nữ	Đ11ST.QL10	28/11/1996	Hà Nội	2.7	Khá	
240	1111010729	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	Đ11ST.QL10	30/04/1997	Quảng Ninh	2.83	Khá	
241	1111010891	Nguyễn Thị Anh	Nữ	Đ11ST.QL10	07/06/1997	Lạng Sơn	2.76	Khá	
242	1111010728	Đông Thị Ngọc Ánh	Nữ	Đ11ST.QL10	22/03/1997	Hà Nội	3	Khá	
243	1111010725	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	Đ11ST.QL10	21/02/1997	Nam Định	2.85	Khá	
244	1111010840	Hà Tiến Đạt	Nam	Đ11ST.QL10	13/09/1997	Hòa Bình	2.65	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
245	1111010918	Phạm Minh Đức	Nam	Đ11ST.QL10	22/02/1997	Nam Định	2.47	Trung bình	
246	1111010875	Vũ Ngọc Hà	Nữ	Đ11ST.QL10	11/03/1997	Hoà Bình	2.9	Khá	
247	1111010900	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	Đ11ST.QL10	04/08/1996	Hà Nội	2.95	Khá	
248	1111010934	Nguyễn Ngọc Hân	Nữ	Đ11ST.QL10	26/12/1997	Quảng Ninh	3.22	Giỏi	
249	1111010865	Bùi Thị Hiền	Nữ	Đ11ST.QL10	21/02/1997	Nam Định	2.71	Khá	
250	1111010906	Hà Thị Hiền	Nữ	Đ11ST.QL10	01/11/1997	Bắc Kạn	2.6	Khá	
251	1111010868	Đỗ Nguyễn Minh Huyền	Nữ	Đ11ST.QL10	20/08/1995	Thanh Hóa	2.74	Khá	
252	1111010732	Nguyễn Quốc Hưng	Nam	Đ11ST.QL10	30/12/1997	Hà Nội	2.93	Khá	
253	1111010833	Nguyễn Thị Minh Hương	Nữ	Đ11ST.QL10	20/11/1997	Sơn La	2.62	Khá	
254	1111010940	Nguyễn Thị Hường	Nữ	Đ11ST.QL10	21/06/1997	Hà Nội	2.85	Khá	
255	1111010713	Bùi Thùy Linh	Nữ	Đ11ST.QL10	29/12/1997	Hà Nội	2.92	Khá	
256	1111010719	Đỗ Thùy Linh	Nữ	Đ11ST.QL10	31/07/1997	Hà Nội	2.85	Khá	
257	1111010897	Nguyễn Hà Linh	Nữ	Đ11ST.QL10	17/12/1997	Quảng Ninh	2.9	Khá	
258	1111010871	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	Đ11ST.QL10	08/09/1997	Quảng Ninh	2.8	Khá	
259	1111010876	Nguyễn Ngọc Linh	Nữ	Đ11ST.QL10	22/01/1997	Yên Bái	2.41	Trung bình	
260	1111010903	Nguyễn Phương Linh	Nữ	Đ11ST.QL10	18/11/1997	Phú Thọ	2.75	Khá	
261	1111010842	Trần Hà Linh	Nữ	Đ11ST.QL10	26/08/1997	Yên Bái	2.83	Khá	
262	1111010822	Hà Hạnh Loan	Nữ	Đ11ST.QL10	18/10/1997	Quảng Ninh	3.1	Khá	
263	1111010882	Đỗ Thanh Mai	Nữ	Đ11ST.QL10	30/07/1997	Ninh Bình	2.85	Khá	
264	1111010810	Nông Thị Nga	Nữ	Đ11ST.QL10	23/09/1997	Cao Bằng	2.59	Khá	
265	1111010932	Ngọc Quỳnh Như	Nữ	Đ11ST.QL10	23/11/1997	Cao Bằng	2.77	Khá	
266	1111010763	Đỗ Văn Phồn	Nam	Đ11ST.QL10	19/08/1996	Hung Yên	3.45	Giỏi	
267	1111010889	Lê Thị Linh Phương	Nữ	Đ11ST.QL10	16/05/1997	Phú Thọ	2.96	Khá	
268	1111010711	Nguyễn Thị Ánh Phượng	Nữ	Đ11ST.QL10	06/01/1997	Vĩnh Phúc	2.83	Khá	
269	1111010720	Nguyễn Mạnh Quân	Nam	Đ11ST.QL10	26/07/1997	Hà Nội	2.61	Khá	
270	1111010895	Vũ Thị Quỳnh	Nữ	Đ11ST.QL10	08/03/1997	Nam Định	2.77	Khá	
271	1111010710	Phạm Thanh Thảo	Nữ	Đ11ST.QL10	13/04/1997	Lào Cai	2.68	Khá	
272	1111010820	Vũ Thiên Trang	Nữ	Đ11ST.QL10	15/11/1997	Hung Yên	2.94	Khá	

Handwritten signature

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
273	1111010904	Nguyễn Xuân Tùng	Nam	Đ11ST.QL10	15/07/1997	Tuyên Quang	2.86	Khá	
274	1111010845	Bùi Thị Ánh Tuyết	Nữ	Đ11ST.QL10	02/09/1997	Đắk Nông	3.24	Giỏi	
275	1111010910	Phạm Thị Vân	Nữ	Đ11ST.QL10	07/10/1997	Ninh Bình	2.93	Khá	

Danh sách này có 275 sinh viên, trong đó xếp hạng tốt nghiệp loại:

Xuất sắc	2 sinh viên;
Giỏi	29 sinh viên;
Khá	229 sinh viên;
Trung bình	15 sinh viên.

